

Phụ lục IV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SAO MAI VIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 154/2024/BC-UNI

TP.HCM, ngày 15 tháng 04 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SAO MAI VIỆT**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301401291
- Vốn điều lệ: 156.176.320.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: A3.4A12 Chung cư The GoldView, 346 Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: 078.678.1977
- Số fax:
- Website: www.saomaiviet.net
- Mã cổ phiếu (nếu có): UNI
- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay):

Công ty CP Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt (tên cũ: Công ty Cổ Phần Viễn Liên) được thành lập theo giấy phép số 223/GP-UB do UBND TP. HCM cấp ngày 02/03/1993. Khi thành lập, Công ty chỉ có số vốn điều lệ 700.000.000 đồng, vốn góp cổ phần chủ yếu là của CBCNV Bưu Điện TP. Hồ Chí Minh. Sau nhiều đợt tăng vốn, hiện nay vốn điều lệ của Công ty đạt 156.176.320.000 đồng.



Nhận thức tầm quan trọng của thị trường chứng khoán ảnh hưởng đến sự nghiệp phát triển bền vững của Công ty, với quyết tâm đưa thương hiệu UNICO được nhiều người biết đến đặc biệt là các nhà đầu tư và khách hàng. Ngày 03 tháng 7 năm 2006 được phép của UBCK nhà nước Công ty Cổ phần Viễn Liên đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán giao dịch là UNI. Do không đủ vốn điều lệ theo quy định, đến ngày 27/05/2009 chuyển niêm yết sang Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết số 12/GCN-TTGDHN ngày 21/05/2009.

- Các sự kiện khác:

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

- Kinh doanh bất động sản Phú Quốc.
- Tư vấn bất động sản.

- Địa bàn kinh doanh: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

- TP. Hồ Chí Minh, Phú Quốc tỉnh Kiên Giang.

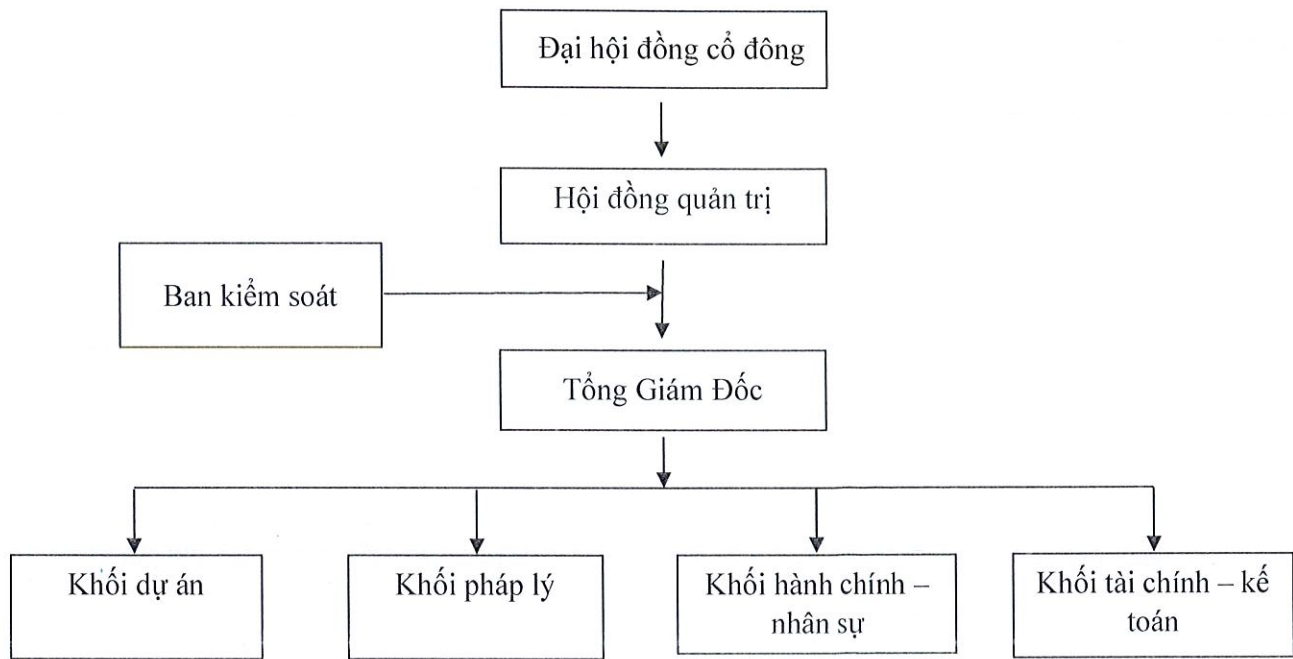
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020.

- Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ);
- Hội đồng quản trị (HĐQT);
- Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:



- Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết).

- Không có

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- + Từng bước xây dựng và phát triển Công ty thành Tập đoàn lấy hiệu quả lợi nhuận kinh doanh làm thước đo cho mọi hoạt động của Công ty.
- + Đóng góp đầy đủ các loại thuế cho ngân sách Nhà nước, tạo công ăn việc làm cho xã hội.
- + Gắn bó lợi ích của Công ty với người lao động thông qua việc nâng cao phúc lợi cho CBCNV Công ty.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- + Chọn Phú Quốc là địa bàn chủ lực để Công ty tăng vốn và tích lũy lợi nhuận thông qua các Dự án khả thi đang triển khai :

- Khu dân cư 11,3 Ha Hàm Ninh và mở rộng.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

5. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường).

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề..

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
	Tại ngày 31/12/2024		Đơn vị tính: VNĐ
STT	Nội dung	31/12/2024	31/12/2023
I	Tài sản ngắn hạn	556.460.221.632	496.961.727.955
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	613.710.967	3.448.126.695
2	Các khoản phải thu ngắn hạn	84.928.980.370	81.254.292.370
3	Hàng tồn kho	461.641.532.569	402.999.562.548
4	Tài sản ngắn hạn khác	9.275.997.726	9.259.746.342
II	Tài sản dài hạn	-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	556.460.221.632	496.961.727.955
III	Nợ phải trả	392.335.309.756	332.838.157.580
1	Nợ ngắn hạn	392.335.309.756	111.453.935.308
2	Nợ dài hạn	-	221.384.222.272
IV	Nguồn vốn chủ sở hữu	164.124.911.876	164.123.570.375
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	156.176.320.000	156.176.320.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	1.476.860.000	1.476.860.000
3	Quỹ đầu tư phát triển	94.830.030	94.830.030
4	Lợi nhuận chưa phân phối	6.376.901.846	6.375.560.345
4.1	LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	6.375.560.345	5.709.898.316
4.2	LNST chưa phân phối kỳ này	1.341.501	665.662.029
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	556.460.221.632	496.961.727.955
II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
STT	Nội dung	31/12/2024	31/12/2023
1	Doanh thu hoạt động	1.067.037.037	1.710.000.000
2	Doanh thu hoạt động tài chính	300.733	458.395
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	763.275.131	1.434.620.170
4	Thu nhập khác	23.166.212	744.832.034
5	Chi phí khác	90.740.336	90.891.705
6	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.081.960	868.190.372
7	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.341.501	665.662.029

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết).

- Đầu tư vào Dự án khu dân cư 11,3 Ha Hàm Ninh Phú Quốc : 243.663.438.566 đồng

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết).

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	556.460.221.632	496.961.727.955	11,97%
Doanh thu thuần	1.067.037.037	1.710.000.000	-37,6%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	90.656.084	214.250.043	-57,68%
Lợi nhuận khác	-67.574.124	653.940.329	-110,33%
Lợi nhuận trước thuế	23.081.960	868.190.372	-97,34%
Lợi nhuận sau thuế	1.341.501	665.662.029	-99,79%

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1,41	1,49	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			

+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,24	0,84	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	-	-	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	-	-	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân Doanh thu thuần/Tổng tài sản	- -	- -	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,001	0,38	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-	0,004	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-	0,001	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,08	0,12	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài.

b) Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác).

STT	Diễn giải	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ
1	Cá nhân trong nước sở hữu	15.361.509	98.36%
2	Tổ chức trong nước sở hữu	25.496	0.16%
3	Cá nhân nước ngoài sở hữu	222.117	1.42%
4	Tổ chức nước ngoài sở hữu	8.510	0.06%
5	Cổ phiếu quỹ		
Tổng cộng :		15.617.632	100,00%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thường, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch

Số lượng cổ phiếu quỹ nắm giữ tính đến ngày 31/12/2024: 0 cổ phiếu

e) Các chứng khoán khác: Nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

+ Tổng số lao động	: 10
+ Mức lương bình quân	: 30.000.000 đồng/tháng
+ Lương tối thiểu	: 12.000.000 đồng/tháng
+ Lương tối đa	: 85.000.000 đồng/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

+ Đóng đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm).

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có).

- Những tiến bộ công ty đã đạt được.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...).

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành của Công ty được thực hiện đúng theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành được thực hiện thông qua các hình thức như: tổ chức các cuộc họp do HĐQT chủ trì, tham gia các cuộc họp định kỳ do Tổng Giám đốc tổ chức, thông qua các báo cáo của Tổng Giám đốc.

Thông qua hoạt động giám sát cho thấy:

- Năm 2023, Tổng Giám đốc đã tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty cũng như thực hiện đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Tổng Giám đốc đã thực hiện đầy đủ việc cung cấp thông tin, tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát tiếp cận, kiểm tra tình hình tài chính và các hoạt động khác của Công ty;
- Ban điều hành đã duy trì tốt lịch họp hàng tháng, quý để tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm để điều chỉnh các giải pháp quản lý và sản xuất một cách linh hoạt và đạt hiệu quả cao.
- Với những kết quả đã đạt được về phát triển thị trường, doanh thu, lợi nhuận, quản lý tài chính cũng kết quả khắc phục tài chính, HĐQT đánh giá cao công tác điều hành của Ban điều hành trong năm 2023.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

V. Quản trị công ty (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

1. Hội đồng quản trị/ Board of Directors

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác).

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cp UNI nắm giữ	Tỷ lệ%
1	Phan Hồng Mỹ Phương	Chủ tịch		
2	Vũ Thị Như Mai	Thành viên	3.446.236	22,06%
3	Nguyễn Thị Lệ Thanh	Thành viên	605.322	3,88%

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban).

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Hội đồng quản trị đã chủ trì và tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, giám sát, chỉ đạo công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch, chính xác theo đúng quy định.

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã tổ chức thực hiện 23 cuộc họp trực tiếp định kỳ và đột xuất, để kịp thời xem xét, thông qua các nghị quyết/quyết định liên quan đến các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT; tổ chức giám sát Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ; Tổ chức công bố thông tin đầy đủ theo quy định. Các thành viên HĐQT đã hoàn thành trách nhiệm của người quản lý Công ty trên tinh thần trách nhiệm vì công việc và sự phát triển của Công ty, phối hợp hiệu quả với Ban Kiểm soát để đảm bảo các hoạt động của Công ty minh bạch.

- Các Nghị quyết của HĐQT trong năm 2024:

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
17	171A/2024/NQ/HĐQT-UNI	16/09/2024	Nghị quyết về việc thành lập tổ giúp việc kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
18	40A/NQ/HĐQT-UNI	30/09/2024	Nghị quyết về việc Về việc thông qua phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ được thông qua tại nghị quyết ĐHĐCĐ 264A và nghị quyết ĐHĐCĐ 280
19	41A/NQ/HĐQT-UNI	30/09/2024	Nghị quyết về việc thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ
20	42A/NQ/HĐQT-UNI	30/09/2024	Nghị quyết về việc thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty
21	1611A/NQ/HĐQT-UNI	15/11/2024	Nghị quyết về việc thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty
22	271A/2024/NQ/HĐQT-UNI	27/11/2024	Nghị quyết về việc ký kết Hợp đồng vay nhằm bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh
23	213A/NQ/HĐQT-UNI	04/12/2024	Nghị quyết về việc thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (Đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm toán nội bộ

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm toán nội bộ : (Danh sách thành viên Ban kiểm toán nội bộ, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

- Không có ban kiểm toán nội bộ.

b) Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ : (đánh giá hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm toán nội bộ, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm toán nội bộ

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm toán nội bộ, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ).

- Trường hợp hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận do Đại hội cổ đông giao thì thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm toán nội bộ được tính trên thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên, thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm để xác định mức trích lập thù lao.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm toán nội bộ, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm toán nội bộ, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty).

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên).

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Nơi nhận:

- Lưu VT,...

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Vũ Thị Như Mai

